

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Bản án số: 08/2026/HNGĐ-ST

Ngày 17-4-2026

V/v “*Ly hôn và tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7, TỈNH QUẢNG TRỊ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Tư và ông Nguyễn Ngọc Tri;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Xuân Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Hoài Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 23/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2026 về việc “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2026/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Thu H**, sinh năm 1995; Địa chỉ: thôn T, xã L, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1990; Địa chỉ: thôn T, xã T, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Lê Thị Thu H trình bày trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại tòa án:

Về tình cảm: Chị Lê Thị Thu H và anh Nguyễn Văn N tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 27/6/2023 tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2024 thì hay phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, thường xuyên tranh cãi, gây gổ lẫn nhau. Chị Lê Thị Thu H và anh Nguyễn Văn N đã ly thân từ tháng 10 năm 2024 đến nay và không còn tình cảm với nhau. Nhận thấy, tình cảm

vợ chồng không còn, hôn nhân không thể tiếp tục. Nay, chị Lê Thị Thu H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị Lê Thị Thu H được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

Về con chung: Chị Lê Thị Thu H và anh Nguyễn Văn N có 01 con chung là cháu Nguyễn Đức H1, sinh ngày 04/7/2023. Khi ly hôn, chị Lê Thị Thu H có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con. Không yêu cầu anh Nguyễn Văn N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn N mặc dù đã được cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự và không có ý kiến phản hồi.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 7, tỉnh Quảng Trị phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Quảng Trị thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban T, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Lê Thị Thu H được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đức H1, sinh ngày 04/7/2023 cho chị Lê Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Lê Thị Thu H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Lê Thị Thu H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 7, tỉnh Quảng Trị, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Chị Lê Thị Thu H có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh Nguyễn Văn N và xin được nuôi con, Tòa án thụ lý giải quyết và xác định quan hệ tranh chấp “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Nguyễn Văn N có nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay tại thôn T, xã T, tỉnh Quảng Trị nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7- Quảng Trị theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 của Quốc hội: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng dân sự, Luật Tổ tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của bị đơn: Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Nguyễn Văn N được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn N.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

3.1. Về quan hệ hôn nhân:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 04/02/2026 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì chị Lê Thị Thu H và anh Nguyễn Văn N tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 27/6/2023 tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị (nay là UBND xã T, tỉnh Quảng Trị). Như vậy, hôn nhân giữa chị Lê Thị Thu H và anh Nguyễn Văn N là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Theo kết quả xác minh của Tòa án về tình trạng hôn nhân giữa chị Lê Thị Thu H và anh Nguyễn Văn N tại UBND xã T và UBND xã L, tỉnh Quảng Trị ngày 12/3/2026, thì hôn nhân giữa chị Lê Thị Thu H và anh Nguyễn Văn N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng đã không còn chung sống thực tế với nhau trong thời gian dài. Điều này cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Thu H và anh Nguyễn Văn N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Nguyễn Văn N để tham gia các phiên hòa giải nhưng anh Nguyễn Văn N đều vắng mặt không có lý do, điều đó thể hiện anh Nguyễn Văn N không mong muốn hàn gắn, đoàn tụ gia đình, bỏ mặc quan hệ hôn nhân.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị Lê Thị Thu H và anh Nguyễn Văn N đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Nếu tiếp tục duy trì quan

hệ hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho các bên. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện cho chị Lê Thị Thu H được ly hôn anh Nguyễn Văn N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

3.2. Về con chung:

Chị Lê Thị Thu H và anh Nguyễn Văn N có 01 con chung là cháu Nguyễn Đức H1, sinh ngày 04/7/2023. Khi ly hôn, chị Lê Thị Thu H có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đức H1. Chị Lê Thị Thu H không yêu cầu anh Nguyễn Văn N phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu của chị Lê Thị Thu H, Hội đồng xét xử thấy rằng: theo quy định của pháp luật, việc giao con chung cho ai trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn phải bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con. Xét thấy cháu Nguyễn Đức H1 hiện còn nhỏ, tính đến thời điểm giải quyết vụ án chưa đủ 36 tháng tuổi; theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con. Chị Lê Thị Thu H có công việc, thu nhập ổn định, có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con và không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện chị không đủ điều kiện nuôi con. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn N không có ý kiến phản đối cũng như không có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Do đó, việc giao cháu Nguyễn Đức H1 cho chị Lê Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế, bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con chung; phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình và Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên có cơ sở chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử đã giải thích cho chị Lê Thị Thu H việc yêu cầu cấp dưỡng cho con là nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con, nhưng chị Lê Thị Thu H vẫn không yêu cầu anh Nguyễn Văn N phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy người trực tiếp nuôi con là chị Lê Thị Thu H có khả năng, điều kiện nuôi dưỡng con và việc chị Lê Thị Thu H không yêu cầu cấp dưỡng là tự nguyện. Căn cứ Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình nên không buộc anh Nguyễn Văn N phải cấp dưỡng nuôi con.

Từ những phân tích ở trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Nguyễn Đức H1, sinh ngày 04/7/2023 cho chị Lê Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con.

3.3. Về tài sản chung: Chị Lê Thị Thu H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Buộc chị Lê Thị Thu H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng dân sự, Luật Tổ tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Áp dụng Điều 6, Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Thu H và anh Nguyễn Văn N. *(Giấy chứng nhận kết hôn số 24 ngày 27/6/2023 của UBND xã T, huyện H (nay là UBND xã T), tỉnh Quảng Trị).*

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đức H1, sinh ngày 04/7/2023 cho chị Lê Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn N có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở anh Nguyễn Văn N thực hiện quyền này.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* mà chị Lê Thị Thu H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/26E, số 0000580 ngày 04/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Chị Lê Thị Thu H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Lê Thị Thu H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Nguyễn Văn N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND khu vực 7-Quảng Trị;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị;
- UBND xã Tân Lập, tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quang Sơn